

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

● VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC

● DỰ ÁN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN TẠI CÁC TRƯỜNG THỰC HIỆN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TẠI VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Phần 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

I – MỤC TIÊU

Một trong những đổi mới căn bản về bồi dưỡng giáo viên của mô hình VNEN là tổ chức bồi dưỡng, tập huấn tại trường hoặc cụm trường. Yêu cầu tập huấn, sinh hoạt chuyên môn tại trường (cụm trường) là hết sức cấp thiết, nhằm bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn và nâng cao năng lực sư phạm cho GV. Việc bồi dưỡng, tập huấn nhằm :

- Giúp GV có hiểu biết sâu về mô hình trường học mới – VNEN ;
- Từng bước đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới sư phạm một cách vững chắc đáp ứng yêu cầu của mô hình trường học mới – VNEN ;
- Trên cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn nhằm giải quyết những vấn đề mới và khó, những tình huống sư phạm nhằm thực hiện tốt chương trình và đạt hiệu quả cao ở mô hình trường học mới – VNEN.

Một điều cần lưu ý là “Tất cả những nội dung trên đều phải tập trung và xoay quanh những vấn đề liên quan tới hoạt động học của học sinh”.

II – NỘI DUNG CHÍNH SINH HOẠT CHUYÊN MÔN ĐỊNH KÌ CỦA CÁC TRƯỜNG (CỤM TRƯỜNG)

Nội dung chính sinh hoạt chuyên môn định kì của các trường, cụm trường là bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn ở các lĩnh vực : Hoạt động giáo dục và hoạt động dạy học; Đánh giá kết quả giáo dục, kết quả dạy và học.

1. Về hoạt động giáo dục

Để hình thành và nâng cao năng lực tổ chức hoạt động giáo dục cho GV dạy học ở mô hình trường học mới – VNEN, trước mắt cũng như lâu dài có một số nội dung mang tính nghiệp vụ, chuyên môn cần trang bị và bồi dưỡng (BD) cho giáo viên (GV). Cụ thể là :

- Tổ chức Hội đồng tự quản (HĐTQ) lớp học và hướng dẫn, BD của GV cho các thành viên, các ban của HĐTQ lớp học ;
- Sự hợp tác của phụ huynh học sinh (PHHS) và sự phối hợp của cộng đồng với GV và nhà trường ;
- Tổ chức lớp học ở mô hình trường học mới – VNEN (Góc học tập, thư viện lớp học, hòm thư cá nhân và hòm thư bè bạn “Điều em muốn nói”, sơ đồ cộng đồng,...) ;
- Vai trò của nhóm học tập, của GV chủ nhiệm lớp.

2. Về hoạt động dạy học

- Đổi mới sư phạm của mô hình trường học mới – VNEN.
- Tự học của cá nhân, học tập hợp tác và sự tương tác giữa các thành viên trong nhóm học tập của mô hình trường học mới – VNEN.

- Sử dụng tài liệu Hướng dẫn học (TLHD học) các môn học : Cấu trúc TLHD học và vấn đề lựa chọn phương án hợp lý khi sử dụng tài liệu Hướng dẫn học (HDH).
- Việc sử dụng đồ dùng dạy học (ĐDDH) và ĐDDH tự làm.

3. Về đánh giá kết quả

- Tự đánh giá quá trình học tập và kết quả học tập của học sinh.
- Giáo viên đánh giá thường xuyên quá trình, kết quả học tập, giáo dục của HS.
- Đánh giá của gia đình và cộng đồng về kết quả giáo dục học sinh.
- Đánh giá tiết dạy của GV trong mô hình trường học mới.

III – TỔ CHỨC VÀ CÁCH THỨC TIẾN HÀNH SINH HOẠT CHUYÊN MÔN ĐỊNH KÌ CỦA CÁC TRƯỜNG (CỤM TRƯỜNG)

Tổ chức và cách thức tiến hành sinh hoạt chuyên môn định kì của các trường (cụm trường) được thực hiện như sau:

1. Xác định đối tượng, thời gian, địa điểm

- Tất cả các giáo viên dạy trong cùng một trường(cụm trường) : Khoảng 10 đến 20 GV (bao gồm cả các GV dạy và không dạy theo mô hình VNEN).
- Định kì 2 tuần/lần.
- Cố định tại một trường có điều kiện thuận lợi để hỗ trợ, đảm bảo cho chất lượng sinh hoạt chuyên môn và hoạt động hậu cần cho các giáo viên ; hoặc thay đổi luân phiên giữa các trường trong cùng một cụm.

2. Phân công trách nhiệm cho các thành viên tham gia cuộc họp sinh hoạt chuyên môn

- Cụm (tổ) trường : Là Hiệu trưởng/phó HT trong các trường TH thuộc cụm sinh hoạt chuyên môn, chịu trách nhiệm chung mọi hoạt động có liên quan. Trong trường hợp sinh hoạt liên trường, các trường bầu một Hiệu trưởng/ phó Hiệu trưởng phụ trách chung (thường cố định trong một thời gian nhất định).
- Các thành viên sinh hoạt chuyên môn của cụm : Tất cả các giáo viên dạy trong cùng một trường(cụm trường). Tất cả các giáo viên này sẽ tự nghiên cứu những vấn đề liên quan tới nội dung sinh hoạt chuyên môn định kỳ (theo kế hoạch của cụm, trường) đã xây dựng. Đồng thời thảo luận những vấn đề mới, khó trong chương trình, tài liệu ở mô hình trường học mới – VNEN cùng những vấn đề có thể nảy sinh trong quá trình thực hiện chương trình. Tìm những giải pháp, biện pháp khả thi, phù hợp với khả năng của GV trong tổ chuyên môn. Mặt khác, việc tổ chức tham dự những tiết dạy thử nghiệm những nội dung đã thống nhất hoặc dự giờ để trao đổi, rút kinh nghiệm là hết sức cần thiết và hữu ích.

– Chia tổ, khối chuyên môn : Chia theo khối lớp 2, khối lớp 3, khối lớp 4, khối lớp 5. Mỗi khối có một khối trưởng. Khối trưởng được bầu trong số khối trưởng chuyên môn của các trường trong cụm sinh hoạt chuyên môn.

Các thành viên sinh hoạt trong tổ, khối chuyên môn : Tất cả các giáo viên cùng dạy trong khối lớp đó.

Chịu trách nhiệm hỗ trợ và giám sát sinh hoạt chuyên môn định kì của các trường (cụm trường) là các chuyên gia sư phạm và Ban Quản lý dự án VNEN của tỉnh, Thành phố.

Ban Quản lý dự án VNEN của tỉnh, Thành phố có trách nhiệm báo cáo định kì hàng năm với Ban Quản lý dự án VNEN cấp TƯ .

Cách thức và nội dung sinh hoạt chuyên môn định kì được trình bày chi tiết, cụ thể ở Phần II của tài liệu.

Trước mắt, lựa chọn một số mô đun:

– Đặc điểm Mô hình VNEN;

– Cấu trúc tài liệu bài học mô hình VNEN;

– Cấu trúc tài liệu Hướng dẫn học và vấn đề vấn đề lựa chọn phương án hợp lí khi sử dụng tài liệu Hướng dẫn học (HDH).

Đây là những nội dung chính, ban đầu, cấp thiết trong sinh hoạt chuyên môn tại trường, cụm trường ; đồng thời cũng là một nội dung hết sức cấp thiết và hữu ích song cần lưu ý là “Tất cả những nội dung trên đều phải tập trung và xoay quanh những vấn đề liên quan tới hoạt động học của học sinh” ; hay có thể khẳng định là “Sinh hoạt chuyên môn theo hướng lấy học sinh làm trung tâm”.

Phần 2

MỘT SỐ MÔ ĐUN CỤ THỂ

MÔ ĐUN 1

ĐẶC ĐIỂM MÔ HÌNH VNEN

I – HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Mục tiêu tổng thể của Mô hình VNEN là phát triển con người:

Dạy chữ – Dạy người.

Mô hình VNEN hướng tới chuyển các hoạt động giáo dục trong nhà trường thành các hoạt động Tự giáo dục cho học sinh.

Mọi hoạt động giáo dục trong nhà trường đều Vì lợi ích của học sinh, Của học sinh và Do học sinh thực hiện. Đặc trưng của Mô hình trường học mới là “TỰ”

Học sinh: Tự giác, tự quản;
Tự học, tự đánh giá;
Tự tin, tự trọng.

Giáo viên: Tự chủ;
Tự bồi dưỡng.

Nhà trường: Tự nguyện.

Mô hình VNEN có các tài liệu Hướng dẫn các hoạt động giáo dục: Tổ chức dạy học; Tổ chức các hoạt động giáo dục Đạo đức, Thể chất, Nghệ thuật và Kỹ năng sống cho học sinh.

1. Hội đồng tự quản

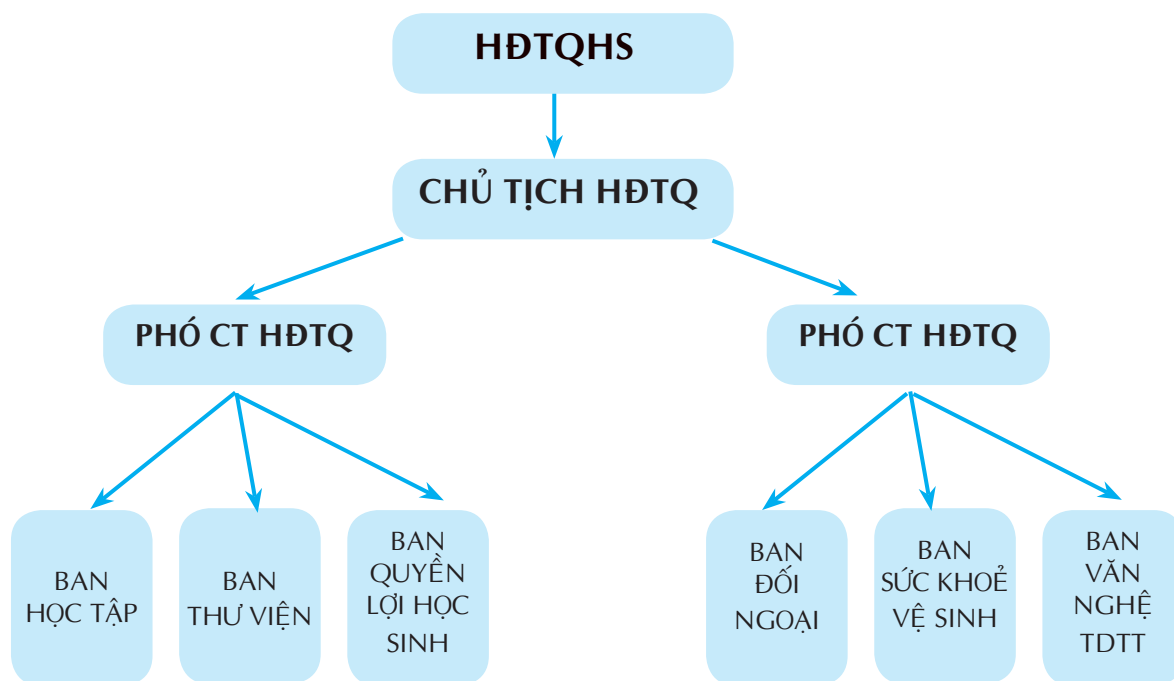
Học sinh phát triển toàn diện nhờ các hoạt động tự giáo dục của mình. Hội đồng tự quản là tổ chức của học sinh, vì học sinh và do học sinh thực hiện. Các em được làm chủ trong việc bầu ra Hội đồng tự quản, Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Ban của Hội đồng tự quản.

Học sinh tự đề xuất, bàn bạc đưa ra các nội quy và cùng nhau giám sát việc thực hiện các quy ước do mình xây dựng và cam kết thực hiện.

Như vậy học sinh tự đề ra các quy ước (dù là những quy ước nhỏ nhất) và có trách nhiệm thực hiện các quy ước đó. Điều đó đảm bảo tính dân chủ trong lớp học.

Quyền và trách nhiệm của mỗi thành viên của HĐTQHS đồng thời được quy định và thực hiện trong nhóm và trong lớp học bởi học sinh.

Hội đồng Tự quản có một số ban. Số Ban trong Hội đồng tự quản do mỗi lớp quy định, không nhất thiết phải giống nhau ở các lớp. Điều chủ yếu là các thành viên trong mỗi Ban cùng nhau xây dựng những yêu cầu, nội dung và cách thức hoạt động của Ban. Ví dụ



Ban học tập :

Các thành viên trong Ban bàn bạc, đề xuất một số nội dung để cả lớp bàn bạc, bổ sung và đi đến thống nhất. Sau đó yêu cầu các thành viên trong lớp có trách nhiệm thực hiện, chẳng hạn các nội dung sau:

- Đi học chuyên cần (không nghỉ học);
- Đến lớp học đúng giờ;
- Tham gia tích cực các hoạt động học trong nhóm;
- Giữ gìn sách vở, dụng cụ học tập;
- Tham gia xây dựng các Góc học tập (Tiếng Việt, Toán, TN&XH, Nghệ thuật, Cộng đồng,...)
- Hoàn thành các nhiệm vụ học tập;
- Kết quả học tập tốt;
- Phục tùng sự điều hành của nhóm trưởng;
- Chia sẻ giúp đỡ bạn trong học tập.

Các Ban Đối ngoại, Văn nghệ, Vệ sinh, ... cũng thống nhất một số nội dung tương tự để các em bàn và thực hiện.

2. Nhóm học tập

Nhóm học tập là một thành tố đặc trưng, quan trọng của mô hình trường học mới.

Có thể nói, mọi hoạt động của học sinh diễn ra ở nhóm học tập. Học sinh chủ yếu làm việc với nhóm; có thể làm việc với giáo viên, làm việc chung cả lớp chỉ khi cần thiết.

Việc phân nhóm do giáo viên thực hiện trên cơ sở đảm bảo sự hợp lí về sức học, về khả năng giao tiếp, sự hợp tác giữa các thành viên và điều hành của nhóm trưởng để đảm bảo tương đối đồng đều giữa các nhóm.

Nhóm trưởng là linh hồn của nhóm học tập, là người điều hành, giám sát hoạt động học của mỗi thành viên trong nhóm. Nhóm trưởng là người hỗ trợ tích cực giáo viên trong việc tổ chức, điều hành các hoạt động và báo cáo với giáo viên kết quả học tập hay những vướng mắc trong học tập của nhóm cần hỗ trợ.

Một nhóm trưởng tốt là phải tạo cơ hội để mọi thành viên tự giác trong tự học, tích cực tham gia các hoạt động nhóm. Đối với các bạn nhút nhát thiếu tự tin, cần được nói nhiều, trao đổi nhiều, thể hiện nhiều trong hoạt động nhóm. Không để tình trạng một số thành viên khá làm thay, làm hộ các thành viên khác trong nhóm.

Trước mắt, giáo viên chọn những học sinh khá, giỏi, có khả năng điều hành làm nhóm trưởng, bồi dưỡng năng lực điều hành cho các em. Giáo viên hướng dẫn để các nhóm trưởng có kĩ năng điều hành nhóm, hiểu các bước của quá trình học tập, biết tổ chức để mọi thành viên trong nhóm đều tích cực, tự giác thực hiện các hoạt động học. Các học sinh yếu cần được quan tâm nhiều hơn để theo kịp nhóm; những học sinh học yếu, nhút nhát chưa nên bầu làm nhóm trưởng.

Nếu giáo viên chủ nhiệm bồi dưỡng được đội ngũ các nhóm trưởng tốt thì đã đảm bảo sự thành công của Mô hình trường học mới.

Lâu dài cần có sự luân phiên làm nhóm trưởng ; như vậy mới tạo sự bình đẳng giữa các thành viên trong nhóm, giúp tất cả các thành viên trong nhóm tự tin trước mọi người.

3. Trang trí, bố trí lớp học

Lớp học VNEN là lớp học thân thiện, đủ rộng, đủ ánh sáng, đủ bàn ghế cho học sinh.

Bố trí lớp học theo nhóm học tập (4 – 6 học sinh).

Có góc học tập cho mỗi môn học ; đó là nơi để tài liệu, đồ dùng học tập, sản phẩm, kết quả học tập của môn học đó và có góc cộng đồng để những sản phẩm đặc trưng của văn hóa, kinh tế cộng đồng.

GÓC HỌC TẬP

GÓC TIẾNG VIỆT Đồ dùng học Tiếng Việt Tài liệu học tập Tài liệu tham khảo Đồ dùng tự làm Vở chữ đẹp, bài văn hay Mẫu chữ Ca dao, tục ngữ ...	GÓC HỌC TOÁN Đồ dùng học Toán Đồ dùng tự làm Tài liệu học tập Tài liệu tham khảo Bảng tính, công thức Vở sạch, bài giải hay Đố vui ...
GÓC TN – XH Mô hình, hình vẽ về TN&XH có phổ biến ở địa phương Đồ dùng học tập Tài liệu học tập, tham khảo Tranh vẽ, sưu tầm, Sản vật địa phương	GÓC CỘNG ĐỒNG Bản đồ trường, lớp Bản đồ cộng đồng, Giới thiệu đặc điểm văn hoá Sản vật địa phương Sản phẩm các em làm

Có Hòm thư để học sinh chia sẻ những điều muốn nói với bạn bè, với giáo viên. Vấn đề là phải duy trì hòm thư này để các em mạnh dạn bày tỏ tâm tư của mình với mọi người và nhận được sự sẻ chia trở lại tự nhiên, chân thành, mộc mạc, giản dị và thân tình.

Góc cộng đồng, hoạt động cộng đồng là nét mới của mô hình VNEN. Cha mẹ học sinh, cộng đồng là một trong những thành tố tham gia giáo dục học sinh. Trong mô hình VNEN, lớp học là lớp học mở. Cha mẹ có thể ngồi học cùng con, có thể quan sát, theo dõi việc học của con ở lớp, cùng con học ở nhà. Cha mẹ, cộng đồng chủ động đến với nhà trường, đem đến cho nhà trường những sản vật của địa phương trưng bày ở góc cộng đồng, hướng dẫn con cái tìm hiểu tự nhiên, văn hóa, xã hội, dạy các nghề truyền thống ở địa phương, góp phần giáo dục học sinh và giúp chúng phát triển toàn diện. Mô hình trường học mới đưa trẻ em đến gần với tự nhiên, gần gũi với gia đình, đồng thời tạo điều kiện để gia đình, cộng đồng chung tay, góp sức cho hoạt động giáo dục cùng với nhà trường.

Cha mẹ là người đánh giá rõ nhất, chính xác nhất sự phát triển, trưởng thành của con em mình, là người hưởng niềm vui lớn nhất khi các em tiến bộ.

Điều mong muốn nhất của gia đình và nhà trường là: Học sinh thích học, tự giác, tích cực, tự quản trong các hoạt động giáo dục ; các em tự trọng, tự tin trong mọi hoạt động để phát triển và trưởng thành.

Cha mẹ cần biết học sinh đã học những gì ở nhà trường, giúp các em liên hệ các kiến thức đã học vào thực tế tại gia đình. Như vậy, các em được củng cố, vận dụng kiến thức vào thực tế với sự giúp đỡ của người lớn.

II – HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Đổi mới căn bản của Mô hình trường học mới là chuyển:

- Hoạt động Dạy của giáo viên thành hoạt động Học của học sinh;
- Hoạt động Quy mô Lớp thành hoạt động ở Quy mô Nhóm;
- Học sinh từ Làm việc với Giáo viên thành Làm việc với Sách, có sự tương tác với bạn (với giáo viên khi cần thiết).

1. Vai trò của giáo viên

Đã có sự chuyển đổi rõ rệt về vai trò của giáo viên so với dạy học truyền thống.

Trong mô hình VNEN, giáo viên là người :

- Tổ chức lớp học ;
- Quan sát hoạt động của mỗi cá nhân, của mỗi nhóm ;
- Hỗ trợ học sinh khi cần thiết ;
- Chốt lại những điều cơ bản nhất của bài học ;
- Đánh giá quá trình và kết quả học của học sinh.

Từ đặc thù nêu trên, hoạt động của giáo viên đã thay đổi căn bản. Việc chính của giáo viên là tổ chức lớp học thành các nhóm và theo dõi, hướng dẫn hoạt động học của mỗi học sinh ở nhóm học tập.

Trong mô hình VNEN, nhóm là đơn vị học tập cơ bản.

Nhóm trưởng là người thay mặt giáo viên điều hành các thành viên trong nhóm: tự giác, tích cực hoạt động, tự quản, tự học, tự tìm tòi, khám phá phát hiện kiến thức theo hướng dẫn của sách. Mọi thành viên trong nhóm phải tự nghiên cứu tài liệu, tự học, chia sẻ với bạn, báo cáo với nhóm kết quả học tập. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất và báo cáo kết quả học tập với giáo viên.

Tuy giáo viên không phải soạn bài nhưng phải nghiên cứu kĩ bài học, hiểu rõ quá trình hình thành kiến thức để tổ chức lớp học, chuẩn bị đồ dùng dạy học, điều chỉnh nội dung, yêu cầu bài học cho phù hợp với đối tượng và dự kiến các tình huống khó khăn mà học sinh dễ mắc phải trong quá trình hình thành kiến thức để có những giải pháp hợp lý, kịp thời.

2. Hoạt động của giáo viên

Giáo viên chọn vị trí thích hợp để quan sát được hoạt động của tất cả các nhóm, các học sinh trong lớp.

Giáo viên chỉ đến hỗ trợ học sinh khi học sinh có nhu cầu cần giúp đỡ hoặc giáo viên cần kiểm tra việc học của một học sinh, hoặc một nhóm.

Thông qua quan sát, kiểm tra, giáo viên đánh giá sự chuyên cần, tích cực của mỗi học sinh; đánh giá hoạt động của từng nhóm và vai trò điều hành của mỗi nhóm trưởng.

Phát hiện những học sinh chưa tích cực, học sinh có khó khăn trong quá trình học; kiểm tra, hỗ trợ kịp thời những học sinh yếu để giúp các em hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Chốt lại những vấn đề cơ bản của bài học.

Đánh giá hoạt động học của các cá nhân, các nhóm và cả lớp.

Tạo cơ hội để mỗi học sinh, mỗi nhóm tự đánh giá tiến trình học tập của mình.

3. Dự giờ và đánh giá tiết dạy

Người dự không tập trung quan sát, đánh giá hoạt động của giáo viên mà đánh giá quá trình học, kết quả học của học sinh.

Việc đánh giá dựa vào các bước lên lớp của bài học, đánh giá hoạt động và kết quả học tập của mỗi nhóm và mỗi học sinh, tập trung vào:

- Học sinh có thực sự tự học ?
- Học sinh có tự giác, tích cực ?
- Học sinh có thực hiện đúng các bước lên lớp ?
- Các nhóm có hoạt động đều tay, sôi nổi ?
- Nhóm trưởng điều hành nhóm có tốt ?
- Các hoạt động học diễn ra đúng trình tự lô gic ?
- Học sinh hoàn thành các hoạt động nêu trong sách ?
- Học sinh có hiểu bài, nắm được bài, hoàn thành mục tiêu bài học ?

4. Đánh giá học sinh

a) Giáo viên đánh giá học sinh thông qua việc quan sát

- Tinh thần, thái độ học tập, tính tự giác, tích cực tham gia hoạt động nhóm ;
- Tính hợp tác, thực hiện điều hành của nhóm trưởng ;
- Kết quả thực hiện các hoạt động trong bài, đối chiếu với mục tiêu bài học ;
- Ghi chép của học sinh.

b) Học sinh tự đánh giá

- Đánh giá việc hoàn thành từng hoạt động trong bài học;
- Đánh giá kết quả đạt được sau mỗi hoạt động, sau bài học;
- Đánh giá việc hoàn thành mục tiêu bài học.

c) Đánh giá của nhóm

- Tinh thần, thái độ ;
- Sự tương tác với bạn bè ;
- Thời gian và chất lượng hoàn thành hoạt động học ;
- Kết quả các hoạt động học tập.

d) Cộng đồng đánh giá

- Có thường xuyên trò chuyện với cha mẹ việc học ở trường ;
- Có thực hiện chăm sóc cây cối, vật nuôi, sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình ;
- Sự tự tin trong trao đổi, trò chuyện, giao tiếp ;
- Khả năng diễn đạt, đối thoại, tương tác ;
- Sự chuyên cần trong học tập, tiến bộ trong học tập.

e) Công cụ đánh giá

- Sự quan sát, theo dõi ;
- Phiếu đánh giá tiến độ học tập (cá nhân, nhóm, giáo viên) ;
- Bảng tổng hợp ý kiến đánh giá của giáo viên, học sinh, nhóm, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

III – TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. GV đọc kĩ tài liệu, ghi chép những điều thu hoạch được, đặc biệt là những vướng mắc, những điều chưa hiểu rõ.
2. Trao đổi với nhóm, tổ chuyên môn.
3. Tổ, nhóm trao đổi cùng nhau, thống nhất nhận thức chung.
4. Xây dựng kế hoạch thực hành, thể hiện ở nhóm, tổ.
5. Tổ chức thực hành, rút kinh nghiệm.
6. Đề xuất các kiến nghị, giải pháp.
7. Thống nhất chung trong nhóm, tổ.
8. Báo cáo với Hiệu trưởng, Cụm trưởng.

MÔ ĐUN 2

CẤU TRÚC BÀI HỌC MÔ HÌNH VNEN

I – CẤU TRÚC BÀI HỌC MÔ HÌNH VNEN

Mô hình VNEN giữ nguyên nội dung, chuẩn kiến thức, kĩ năng và kế hoạch dạy học theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Như vậy nội dung, yêu cầu và thời lượng học các môn không thay đổi.

Bài học mô hình VNEN được cấu trúc theo một đơn vị kiến thức hoàn chỉnh, nhằm giải quyết trọn vẹn, liên tục một vấn đề: hình thành, củng cố, vận dụng, ứng dụng kiến thức vào thực tế.

Mô hình VNEN biên soạn SGK (Toán, Tiếng Việt, TN&XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí) thành Hướng dẫn học (Toán, Tiếng Việt, TN&XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí) cho học sinh.

Như vậy Hướng dẫn học Toán (Tiếng Việt, TN&XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí) là tài liệu học của học sinh và tài liệu dạy của giáo viên.

Thông thường, một bài học Toán, TN&XH, Khoa học, Lịch sử và Địa lí học trong 2 tiết, bài học môn Tiếng Việt học trong 3 tiết, các bài kiểm tra bố trí 1 tiết ; với bài học bố trí 2 tiết, hết tiết 1 là hết hoạt động cơ bản và đã đáp ứng cơ bản mục tiêu của bài học. Tuy nhiên không bắt buộc mọi tiết học, mọi giáo viên phải thực hiện máy móc điều này. Giáo viên có toàn quyền bố trí thời gian để học sinh đạt được mục tiêu bài học, nắm được bài.

Mỗi bài học được thiết kế khoảng từ 12 đến 15 hoạt động với các nội dung chính sau:

- Mục tiêu bài học;
- Hoạt động cơ bản;
- Hoạt động thực hành;
- Hoạt động ứng dụng.

Để tổ chức cho học sinh học tập, giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện đúng quy trình 10 bước lên lớp của mô hình VNEN :

1. Em học tập theo nhóm ;
2. Em ghi đầu bài vào vở ;
3. Em đọc mục tiêu bài học ;
4. Em bắt đầu thực hiện Hoạt động cơ bản ;
5. Kết thúc hoạt động cơ bản, em báo cáo với thầy, cô giáo ;
6. Em bắt đầu hoạt động thực hành:
 - Em bắt đầu bằng hoạt động cá nhân,
 - Em chia sẻ với bạn bên cạnh,
 - Em trao đổi kết quả với các bạn trong nhóm, kiểm tra sửa lỗi cho nhau;

7. Em bắt đầu hoạt động ứng dụng;
8. Em đánh giá cùng với thầy cô giáo;
9. Em tự đánh giá vào bảng đo tiến độ;
10. Em đã hoàn thành bài học hay còn phải học lại phần nào.



Trong thiết kế bài học, trước mỗi hoạt động đều có các lô gô chỉ dẫn. Học sinh nhìn lô gô biết hoạt động đó thực hiện cá nhân, hay nhóm đôi, nhóm lớn hoặc chung cả lớp.

Giáo viên nên hiểu lô gô hướng dẫn chỉ có tác dụng định hướng cho các nhóm học sinh hoạt động, không máy móc mà có thể điều chỉnh để hoạt động học của học sinh đạt hiệu quả.

Lô gô làm việc cá nhân hiểu là cá nhân làm việc là chính. Nhưng khi làm xong có thể đổi vở cho bạn để kiểm tra bài làm của nhau, hoặc báo cáo với nhóm kết quả mình đã làm được.

Lô gô làm việc nhóm chủ yếu nhắc nhở học sinh hoạt động theo nhóm có sự tương tác trong nhóm để cùng giải quyết một nhiệm vụ học tập nào đó. Có lô gô hoạt động nhóm, thì mỗi học sinh vẫn phải suy nghĩ, phải làm việc cá nhân, nhóm không làm thay, học thay cá nhân. Như vậy rất cần sự điều chỉnh linh hoạt của giáo viên để hoạt động học diễn ra tự nhiên, hiệu quả.

Lô gô Hướng dẫn HS

Có HD của GV



Có HD của người lớn



Làm việc nhóm



Làm việc CN



Làm việc cặp đôi



1. Mục tiêu bài học

Mục tiêu bài học là đích học sinh phải hướng tới. Là những yêu cầu cơ bản về kiến thức, kĩ năng mà học sinh phải biết rõ trước khi học và phải nắm được sau khi học.

Học sinh đọc kĩ mục tiêu bài học trong nhóm để cùng nhau xác định rõ hướng hoạt động của cá nhân và của nhóm. Nếu cần, giáo viên nhắc lại mục tiêu bài học chung cho cả lớp.

2. Hoạt động cơ bản

Hoạt động cơ bản là phần quan trọng nhất của bài học.

Hoạt động cơ bản có khoảng từ 4 đến 6 hoạt động nhỏ, nhằm hướng dẫn học sinh tự tìm tòi, trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức mới qua các hoạt động học. Trong hoạt động cơ bản, học sinh hoạt động theo nhóm là chủ yếu, có lúc hoạt động theo nhóm đôi hoặc cá nhân, khi cần thiết có giáo viên hỗ trợ.

Giáo viên nghiên cứu trước bài học, hướng dẫn học sinh chuẩn bị đủ đồ dùng học tập cho các nhóm. Hoạt động cơ bản thường bắt đầu bằng các trò chơi, đồ vui tạo không khí thân thiện, vui vẻ trong lớp học.

Kết thúc hoạt động cơ bản, học sinh đã hoàn thành về cơ bản mục tiêu của bài. Đối với bài học bố trí 2 tiết, hoạt động cơ bản thường kết thúc ở tiết 1.

Chú ý đặc thù bài học của các môn. Ví dụ :

Môn Tiếng Việt

Thông thường môn Tiếng Việt được bố trí mỗi tuần một bài học hoàn chỉnh một đơn vị kiến thức, có tích hợp tất cả các phân môn của Tiếng Việt (gồm 3 bài: A, B, C). Trình tự một bài học Tiếng Việt thường là: **Đọc, Kể lại, Viết, Luyện tập từ ngữ, câu, Ghi nhớ.**

- Đọc (nghe đọc, đọc từng đoạn, đọc cả bài, đọc hiểu)
- Kể lại văn bản đã đọc (nghe kể, tự kể một phần, kể cả bài)
- Viết (tập viết, viết một đoạn, nhìn viết, nghe viết)
- Luyện tập từ ngữ, câu (viết, đọc đúng chính tả, sử dụng đúng dấu câu, phát triển, mở rộng vốn từ, ...)
- Ghi nhớ những điều cơ bản của bài học.

Nhìn chung, một bài học Tiếng Việt tập trung vào 4 kĩ năng cơ bản: Nghe, nói, đọc, viết. Bốn kĩ năng được lồng ghép, tích hợp tự nhiên vào các bài, không tách bạch thành các phân môn như Sách giáo khoa và cách dạy cũ. Không có kĩ năng nào bị coi nhẹ.

Hoạt động cơ bản ở bài A thường là tiếp cận với văn bản: nghe đọc, đọc, giải nghĩa từ khó, nghe hướng dẫn đọc, tập đọc từng câu, đoạn, cả bài, bước đầu hiểu văn bản.

Hoạt động cơ bản ở bài B thường là kể lại câu truyện đã đọc : tập kể từng đoạn, kể nối tiếp; thi kể; thể hiện mức độ hiểu văn bản hơn ở bài đọc là kể lại câu truyện theo ngôn ngữ, cách diễn đạt của mình.

Hoạt động cơ bản ở bài C thường tích hợp cả đọc, kể, viết và luyện tập từ ngữ, câu.

Tất nhiên các bài đều có lồng ghép phần luyện từ ngữ, tập viết. Giáo viên linh hoạt tổ chức lớp học cho tự nhiên, hiệu quả, không cần thực hiện cứng nhắc, máy móc các hoạt động.

Môn Toán

Thông thường hoạt động cơ bản của môn Toán trải qua các bước sau: **Làm, Nói, Viết, Đọc, Ghi nhớ.**

- Bắt đầu là các hoạt động vật chất bằng tay: làm việc với que tính, thẻ số, bảng các chấm tròn, ... (chẳng hạn loại bảng có 5 chấm tròn, lấy 1 lần, 2 lần, 3 lần,...);

- Tiếp theo là hoạt động bằng lời nói: nói việc đã làm (5 lấy 3 lần được mười lăm);
- Rồi đến viết kết quả đã làm được (viết bằng nhân 5);
- Đọc kĩ kết quả làm được (đọc bằng nhân 5);
- Ghi nhớ kết quả làm được (nhớ bằng nhân 5).

Môn TN&XH

Thông thường hoạt động cơ bản của môn TN&XH diễn ra theo trình tự: **Quan sát vật thật, Quan sát mô hình hoặc tranh vẽ, Nhận xét và trả lời, Liên hệ với thực tế, Ghi nhớ.**

- Quan sát (sờ, nhìn, ngửi vật thật), nếu không có vật thật thì quan sát mô hình, tranh vẽ;
- Nêu đặc điểm, nói tên các bộ phận, cấu tạo, ...qua nhận xét, trả lời, thực hành,...
- So sánh, phân tích, liên hệ thực tế,...
- Ghi nhớ.

Tất nhiên quy trình này rất linh hoạt, không nhất thiết phải đầy đủ và đúng thứ tự như trên.

3. Hoạt động thực hành

Hoạt động thực hành hướng dẫn học sinh áp dụng trực tiếp kiến thức đã hình thành ở hoạt động cơ bản (khoảng 4 đến 7 hoạt động) nhằm củng cố kiến thức và rèn luyện kĩ năng.

Với hoạt động thực hành, chủ yếu học sinh làm việc cá nhân. Học sinh tự mình hoàn thành những bài tập, bài thực hành. Nhóm đôi có tác dụng để hai học sinh ngồi cạnh nhau chia sẻ, kiểm tra bài làm của nhau. Có những bài thực hành được tổ chức hoạt động chung cho cả lớp để lớp học vui ; các nhóm thi đua làm nhanh, làm đúng, trả lời hay.

Nhóm trưởng bao quát tiến độ hoàn thành công việc của nhóm, trao đổi thống nhất trong nhóm và báo cáo thầy, cô giáo.

Giáo viên quan sát, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua hoạt động thực hành. Cần tập trung quan sát, đánh giá các kĩ năng cơ bản (nói, đọc, viết, tính toán, diễn đạt, trình bày, so sánh, phân tích, tổng hợp,...) của học sinh, thông qua đó đánh giá năng lực, sự phát triển của mỗi học sinh qua từng bài học.

Kết thúc hoạt động thực hành là mục tiêu bài học đã hoàn thành.

4. Hoạt động ứng dụng

Hoạt động ứng dụng hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức vào thực tế (khoảng 1 đến 2 hoạt động) cùng sự giúp đỡ của người lớn (cha, mẹ, anh, chị,...) và thường được đánh giá trước khi vào bài mới của tiết học sau.

Cần hiểu đúng ý nghĩa của hoạt động ứng dụng. Cha mẹ không dạy con học Toán, Tiếng Việt hay Tự nhiên và Xã hội ở nhà. Gia đình là môi trường thực hành để trẻ đem những điều đã học ở nhà trường ứng dụng vào thực tế tại gia đình. Cha mẹ, người lớn là những giáo viên thực hành giúp trẻ hoàn thành nhiệm vụ học tập mà các em được giao về nhà. Đó là sự liên hệ kiến thức với thực tiễn, ứng dụng kiến thức vào thực tế, không phải là những bài tập có sẵn trong sách vở.

Ví dụ:

Môn Tiếng Việt: Học sinh hỏi bố mẹ, người lớn về một lễ hội, hay trò chơi dân gian của lễ hội, một nghề, làng nghề, một di tích lịch sử văn hóa truyền thống của quê hương. Đọc một đoạn văn, bài thơ em thích đã học ở trường cho bố mẹ nghe, ...

Môn Toán: Học sinh hỏi tuổi bố, mẹ, anh, chị trong gia đình, tính tổng, hiệu số tuổi của những người trong gia đình. Đo, tính diện tích, chu vi của cửa sổ, cửa đi, phòng ăn, phòng ngủ, sân, vườn nhà em. Cùng người lớn ước lượng quãng đường từ nhà đến trường, ước lượng con gà, con lợn, con trâu, ... cân nặng bao nhiêu...

Môn Tự nhiên và Xã hội: Học sinh nói tên các loại cây, con vật có ở quanh nhà, nêu đặc điểm, kích thước, nói tác dụng đối với con người của các loại cây, con vật đó, nói cách chăm sóc cây cối, vật nuôi. Viết tên các loại cây, hoa quả (trái) có ở các mùa ở quê hương, tên con sông, ngọn núi, thành phố, nhà máy có ở quê hương em,...

Không phải cha mẹ nào cũng có điều kiện giúp con củng cố bài học qua hoạt động ứng dụng. Tuy nhiên giáo viên vẫn cần kiểm tra đánh giá hoạt động này ở tiết học sau bằng cách cho học sinh báo cáo những việc đã làm ở nhà. Em nào chưa có điều kiện thực hiện ở nhà có thể nghe các bạn báo cáo, nghe giáo viên nhận xét cũng sẽ hiểu thêm kiến thức đã học gần gũi với cuộc sống tự nhiên như thế nào và các em sẽ có hướng để thực hiện hoạt động ứng dụng ở các bài học sau.

II – TỔ CHỨC THỰC HIỆN

– GV đọc kĩ tài liệu, ghi chép những điều thu hoạch được, đặc biệt những vướng mắc, những điều chưa hiểu rõ.

- Trao đổi với nhóm, tổ chuyên môn.
- Tổ nhóm trao đổi, cùng nhau thống nhất nhận thức chung.
- Xây dựng kế hoạch thực hành, thể hiện ở nhóm, tổ.
- Tổ chức thực hành, rút kinh nghiệm.
- Đề xuất các kiến nghị, giải pháp.
- Thống nhất chung trong nhóm, tổ.
- Báo cáo với Hiệu trưởng, Cụm trưởng.

MÔ ĐUN 3

LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN HỢP LÍ KHI SỬ DỤNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC Ở MÔ HÌNH VNEN

I – ĐẶC ĐIỂM TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC

Cấu trúc tài liệu Hướng dẫn học (các môn Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội,...) ở mô hình VNEN đã được giới thiệu ở các lớp tập huấn và đề cập khá kĩ trong Tài liệu hướng dẫn giáo viên dạy học các môn học theo mô hình trường tiểu học mới (tài liệu do Bộ GD và ĐT, dự án GPE-VNEN tổ chức biên soạn). Vì vậy ở tài liệu này chỉ trình bày những nét khái quát nhất.

Tài liệu Hướng dẫn học (các môn Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội,...) ở mô hình VNEN về cơ bản giữ nguyên nội dung SGK và bảo đảm Chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình các môn học hiện hành ở tiểu học.

Nội dung chương trình các môn học được kết cấu theo các tuần học (cả năm có 35 tuần học). Mỗi tuần học được phân chia thành các bài học. Mỗi bài học có thể gồm 1, 2 hoặc 3 tiết học thông thường (mỗi tiết học khoảng 35-40 phút).

Quản triết dạy học theo mô hình VNEN là dựa trên cơ sở tổ chức các hoạt động học tập của HS, nên trong mỗi bài học, từng đơn vị kiến thức, từng kĩ năng cơ bản, tối thiểu được lấy làm nền tảng để xác định các hoạt động học tập tương thích của HS. Ngoài ra, ở mỗi bài học còn có các gợi ý về tổ chức các trò chơi học tập nhằm ôn luyện kiến thức đã học hoặc giúp gợi động cơ, hứng thú học tập của HS.

Tiến trình của mỗi bài học là một chuỗi các hoạt động học tập của HS, bao gồm 3 phần :

Phần **Hoạt động cơ bản** giúp HS học qua trải nghiệm, học qua việc làm thực tế, học qua tìm tòi, khám phá, phát hiện với sự hỗ trợ, giúp đỡ thích hợp của GV.

Phần **Hoạt động thực hành** thể hiện các hoạt động thực hành của HS nhằm củng cố, rèn luyện, phát triển các kiến thức, kĩ năng vừa học.

Phần **Hoạt động ứng dụng** khuyến khích HS bước đầu biết vận dụng kiến thức trong thực tế cuộc sống. Nhấn mạnh sự quan tâm, hỗ trợ HS học tập từ phía gia đình và cộng đồng. Khuyến khích HS mở rộng vốn kiến thức qua các nguồn thông tin khác nhau (từ gia đình, cộng đồng thôn xóm, làng bản,...).

Bắt đầu của mỗi hoạt động đều có một hình vẽ (lô gô) cùng với những “lệnh” thực hiện để HS dễ dàng nhận ra yêu cầu và các hình thức tổ chức thực hiện hoạt động học tập (học cá nhân, theo cặp, nhóm nhỏ hoặc toàn lớp).

II – VẤN ĐỀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN HỢP LÍ KHI SỬ DỤNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC Ở MÔ HÌNH VNEN

Vấn đề lựa chọn phương án hợp lí khi sử dụng tài liệu Hướng dẫn học ở mô hình VNEN là một trong những nội dung chính trong sinh hoạt chuyên môn định kì của các cụm trường. Việc thảo luận trong sinh hoạt chuyên môn tại trường và đi tới thống nhất việc lựa chọn phương án hợp lí khi sử dụng tài liệu Hướng dẫn học (điều chỉnh tài liệu) nhằm giúp mỗi giáo viên có kế hoạch bài dạy tốt nhất trước khi lên lớp để tổ chức dạy và học.

Ngoài ra, việc lựa chọn phương án hợp lí khi sử dụng tài liệu HDH (điều chỉnh tài liệu HDH) thực chất cũng là thể hiện tốt đặc trưng của tài liệu HDH : mang tính đổi mới đó là mang tính mở, đảm bảo tính linh hoạt cao của tài liệu trong quá trình sử dụng. Tài liệu HDH là tài liệu thử nghiệm, nên rất cần được góp ý, chỉnh sửa để ngày càng hoàn thiện hơn.

1. Mục đích

1.1 Để dạy học phù hợp với đặc điểm học sinh; phù hợp với vùng miền;

1.2 Nâng cao năng lực sư phạm ; năng lực nghề nghiệp cho giáo viên;

1.3 Hoàn thiện tài liệu HDH thử nghiệm.

Thực tế khách quan đòi hỏi phải lựa chọn phương án hợp lí khi sử dụng tài liệu HDH (điều chỉnh tài liệu HDH). Bộ tài liệu HDH được dùng chung cho tất cả học sinh, giáo viên ở các địa phương, do vậy việc chưa thích ứng cho mọi nhà trường là điều không thể tránh khỏi.

Tài liệu HDH cho học sinh được thiết kế dưới dạng các hoạt động học của học sinh, đồng thời tạo điều kiện giúp các em tự học với sự hướng dẫn của giáo viên và hỗ trợ của các bạn cùng nhóm học tập.

a) Khi giáo viên nghiên cứu tài liệu HDH để chuẩn bị cho kế hoạch bài học, thường xuất hiện các nhận xét trong các tình huống sau :

“Cụm từ này ở vùng mình không nói như vậy” hoặc

“Chỗ này chưa kịp đánh chính” hoặc

“Thời gian dành cho phần này là chưa phù hợp (dài quá/ngắn quá) với nội dung” hoặc

“Có các hoạt động khác giúp học sinh nhận thức kiến thức phù hợp hơn” hoặc

“Học liệu trong hướng dẫn này không có trong lớp, trong trường” hoặc

“Hướng dẫn này là quá mới, rất khó hiểu để làm theo”

b) Khi học sinh đọc tài liệu HDH, thường xuất hiện các ý kiến sau:

“Thưa cô, em không hiểu những hướng dẫn này” hoặc

“Thưa cô, từ này có nghĩa là gì” hoặc

“Thưa cô, những đồ dùng chúng em cần thực hiện không có trong góc học tập” hoặc

“Thưa cô, hoạt động này không giống như gia đình em đã làm”

.

Như vậy, có thể nói :

+ Tài liệu HDH chưa phù hợp với các đặc điểm chung của học sinh ;

+ Tài liệu HDH chưa phù hợp với các đặc điểm và nguồn lực riêng của mỗi vùng miền như : các cụm từ được dùng không quen thuộc, các tổ chức đoàn thể không tồn tại ở địa phương, các nguyên liệu được sử dụng không có trong vùng và các giá trị được đề cập chưa phù hợp với nhu cầu của gia đình và cộng đồng.

Chất lượng dạy – học phụ thuộc nhiều vào chất lượng tài liệu HDH. Mặt khác tài liệu HDH chỉ có thể nêu ra *một phương án cụ thể* về kế hoạch bài học cho học sinh và giáo viên nên nó không thể thích ứng cho mọi vùng miền và mọi đối tượng học sinh. Vì vậy, tổ chức cho giáo viên *lựa chọn phương án hợp lí* hơn (điều chỉnh tài liệu HDH) vừa làm cho chất lượng dạy học, chất lượng giáo dục tốt lên, lại vừa nâng cao năng lực nghiên cứu sư phạm, ý thức chủ động, sáng tạo của mỗi giáo viên.

2. Nguyên tắc

2.1 Bảo đảm yêu cầu về chuẩn kiến thức và kĩ năng;

2.2 Phù hợp với học sinh; phù hợp với năng lực của giáo viên và các điều kiện của địa phương;

2.3 Phù hợp cấu trúc tài liệu Hướng dẫn học.

Lựa chọn phương án hợp lí khi sử dụng tài liệu Hướng dẫn học ở mô hình VNEN (điều chỉnh tài liệu HDH) cần đảm nguyên tắc chung, giúp giáo viên không chủ quan, tránh tùy tiện trong quá trình thảo luận, tìm phương án hợp lí (điều chỉnh tài liệu) khi sử dụng tài liệu Hướng dẫn học. Giữ vững nguyên tắc, thực chất là làm cho Chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học, lớp học không những được thực hiện đồng đều trong toàn quốc mà còn phát huy tối đa các khả năng, điều kiện sư phạm của giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục ở tất cả các trường, các địa phương.

Thông thường, trong những trường hợp dưới đây giáo viên sẽ cần phải xem xét, lựa chọn phương án hợp lí (điều chỉnh tài liệu HDH) khi sử dụng tài liệu HDH:

– Nếu có khái niệm hoặc thuật ngữ không rõ ràng trong HDH thì hãy làm rõ khái niệm hoặc thuật ngữ đó.

– Nếu các hoạt động không phù hợp với bối cảnh địa phương, hãy điều chỉnh các hoạt động hoặc điều chỉnh thiết kế mà vẫn không làm thay đổi mục tiêu bài học.

- Nếu các hoạt động không rõ ràng, hãy bổ sung để làm rõ các hoạt động đó.
- Nếu phân phối thời gian cho mỗi hoạt động hay cả bài không phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh, hãy thay đổi phân phối này.
- Nếu hoạt động cơ bản không phù hợp hoặc quá khó, hãy tìm tài liệu khác có hoạt động cơ bản dễ hơn nhưng có cùng mục tiêu và cùng đơn vị kiến thức cần học.
- Nếu việc mở rộng, điều chỉnh một số nội dung hoặc thêm một số hướng dẫn có thể giúp học sinh học tốt hơn thì hãy làm.

3. Hướng dẫn cụ thể

3.1. Tăng hoặc giảm thời lượng dạy học cho một số tiết học;

3.2. Lựa chọn nội dung có trong chương trình để dạy học phù hợp với học sinh và điều kiện thực tế;

3.3. Góp ý, bổ sung hoàn thiện tài liệu Hướng dẫn học.

Cần lưu ý : Giáo viên và tổ chuyên môn lựa chọn nội dung xong cần báo cáo với Hiệu trưởng và lưu vào sổ sinh hoạt chuyên môn sau khi thực hiện.

Giáo viên giỏi phải là người có khả năng xem xét, đánh giá và mạnh dạn phê phán (nếu cần) các nội dung chuyên môn, các hoạt động sư phạm. Nếu coi giáo viên tiểu học cần phải “cầm tay chỉ việc” là hạ thấp năng lực của giáo viên, hạn chế khả năng độc lập sáng tạo của họ. Giáo viên phải là người giỏi về truyền thụ kiến thức, biết dẫn dắt học sinh suy nghĩ sáng tạo nhưng cũng phải là người biết nghiên cứu khoa học sư phạm. Thiết nghĩ, lựa chọn phương án hợp lý (điều chỉnh tài liệu HDH) khi sử dụng tài liệu HDH là bước đầu tập dượt, làm quen hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm.

Khi giáo viên được cung cấp tài liệu thử nghiệm HDH và bắt đầu phân tích, rất có thể sẽ tự hỏi liệu những tài liệu này có phù hợp với trình độ phát triển của học sinh và trường học hay không. Ngay cả khi tài liệu đã hoàn thiện về nội dung, thiết kế, đã xét đến các đặc điểm chung của các vùng miền khác nhau, những đặc điểm tâm sinh lý của học sinh, nhu cầu của các cộng đồng, nguồn lực của các địa phương. . . thì vẫn luôn cần thiết lựa chọn phương án hợp lý (điều chỉnh tài liệu) khi sử dụng tài liệu HDH hoặc điều chỉnh các thuật ngữ, hoạt động và học liệu đã đề cập, nêu ra trong tài liệu HDH.

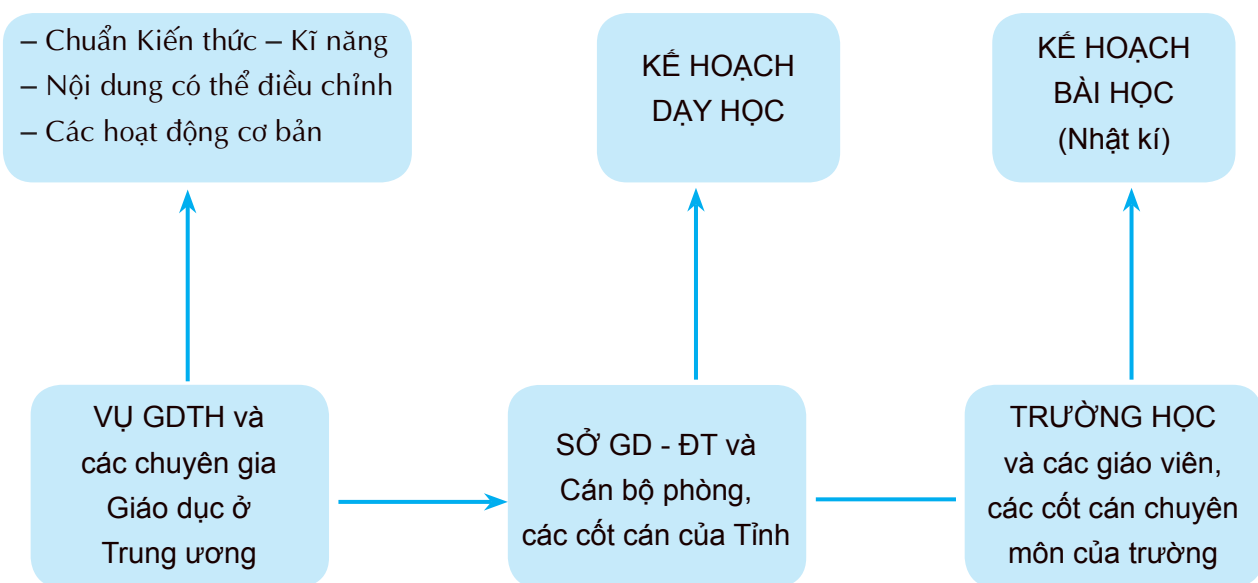
Xây dựng các bảng tiêu chí cho việc lựa chọn phương án hợp lý (điều chỉnh tài liệu HDH) khi sử dụng tài liệu HDH được coi là nền tảng hỗ trợ giáo viên. Giáo viên nên phân tích tài liệu HDH dựa vào tiêu chí này và tạo ra bất cứ thay đổi cần thiết nào trước khi học sinh được đọc tài liệu HDH. Bằng cách này, chúng ta sẽ đảm bảo Hướng dẫn học là phù hợp với môi trường và nhu cầu học sinh và chắc chắn quá trình giáo dục sẽ cuốn hút học sinh tham gia một cách tích cực.

NHỮNG TIÊU CHÍ CHO VIỆC LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN HỢP LÍ (ĐIỀU CHỈNH) KHI SỬ DỤNG TÀI LIỆU HDH

NỘI DUNG	TIÊU CHÍ
1) Những đặc điểm cá nhân của học sinh	a) Khả năng hiểu tài liệu HDH của học sinh, so với: – Sự trưởng thành của học sinh; – Trình độ đọc hiểu của học sinh; – Sự chuẩn bị học tập của học sinh. b) Khả năng phát triển thể chất và năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao của học sinh, so với : – Đặc điểm thể chất của học sinh; – Kỹ năng vận động của học sinh.
2) Các đặc điểm và nguồn lực của vùng miền, nguồn lực ở trường lớp	a) Hình thức diễn đạt giữa các vùng miền: Tiếng địa phương. b) Đặc điểm xã hội, phong tục tập quán ở địa phương: – Cách ăn, cách mặc quần áo, cách làm việc, lễ hội, tục lệ ở làng, bản. c) Điều kiện tự nhiên của địa phương: – Khí hậu, địa hình; – Động thực vật. d) Kinh tế vùng, sản xuất ở địa phương: – Các ngành nghề sản xuất. e) Các nguồn lực hỗ trợ từ địa phương: – Các dịch vụ ở địa phương. d) Các tổ chức đoàn thể ở địa phương: – Có hay không các tổ chức đoàn thể ở địa phương. e) Góc học tập, thư viện phải sẵn sàng và đồng bộ với tài liệu.
3) Tích hợp nội dung học tập	a) Tích hợp nội dung HĐGD vào các môn học b) Tích hợp nội dung giữa các môn học

NỘI DUNG	TIÊU CHÍ
4) Những hạn chế của tài liệu thử nghiệm	a) Nội dung câu lệnh (dài, diễn đạt, chính tả) b) Số lượng câu lệnh c) Tranh ảnh, hình vẽ minh họa d) Kênh hình phù hợp kênh chữ e) Hoạt động ứng dụng được thực hiện ở nhà
5) Kế hoạch dạy học	Quy định số tiết dạy cho từng bài học so với năng lực tiếp thu của học sinh
6) Những nhu cầu của cộng đồng	(Theo yêu cầu cụ thể)
7) Mong muốn của gia đình, cha mẹ học sinh	(Theo yêu cầu cụ thể)

4. Quy trình và trách nhiệm



Với quy trình và trách nhiệm của các cấp quản lý giáo dục nêu trên thì việc lựa chọn phương án hợp lý (điều chỉnh) khi sử dụng tài liệu HDH chủ yếu diễn ra tập trung ở cấp trường; do giáo viên và Hiệu trưởng trực tiếp thực hiện, có nghĩa là GV, Hiệu trưởng trực tiếp điều chỉnh kế hoạch bài học.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và cách thức, nội dung lựa chọn phương án hợp lý (điều chỉnh tài liệu) khi sử dụng tài liệu HDH ở cấp trường được thực hiện như sau:

4.1. Xác định đối tượng, thời gian, địa điểm

- Tất cả các giáo viên cùng dạy trong cùng một khối lớp.
- Định kỳ 2 tuần/lần (cùng thời điểm sinh hoạt thường xuyên cụm trường).
- Cố định tại một trường có điều kiện thuận lợi để hỗ trợ, đảm bảo cho chất lượng sinh hoạt chuyên môn và hoạt động hậu cần cho các giáo viên; hoặc thay đổi luân phiên giữa các trường trong cùng một cụm.

4.2. Phân công trách nhiệm cho các thành viên tham gia cuộc họp

- Hiệu trưởng/phó Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm chung mọi hoạt động có liên quan. Trong trường hợp sinh hoạt liên trường, các trường bầu một Hiệu trưởng/ phó Hiệu trưởng phụ trách chung.
- Tất cả các giáo viên sẽ tự nghiên cứu tài liệu HDH và tài liệu Hướng dẫn GV dạy học các môn học theo mô hình VNEN. Ghi những nội dung đã nghiên cứu vào sổ riêng theo mẫu A (Phụ lục A).
- Các kế hoạch bài học được đưa ra thảo luận bao gồm các bài dạy ở tháng tiếp theo trong kế hoạch dạy học của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4.3. Với những nội dung đã thống nhất để đưa ra phương án hợp lí (điều chỉnh), giáo viên cần sửa đổi cẩn thận, chu đáo, rõ ràng để học sinh đọc câu lệnh được thuận lợi và dễ thực hiện các hoạt động học trên lớp.

Có thể in những nội dung chỉnh sửa và dán phủ lên nội dung cần thay thế hoặc thay cả phần bài học có nội dung chỉnh sửa bằng một trang nội dung được photô phân phát cho học sinh.

Lựa chọn phương án hợp lí khi sử dụng tài liệu HDH (Điều chỉnh nội dung và kế hoạch dạy học) là một hoạt động không thể thiếu được của mô hình VNEN, nó không những giúp cho giờ dạy trên lớp của giáo viên có chất lượng hơn mà còn làm tốt chức năng cơ bản về tài liệu dạy học hiện nay của nhiều quốc gia thường quan niệm, đó là tài liệu dạy học phải có tính linh hoạt cao.

Vị trí, chức năng của giáo viên khi tham gia mô hình VNEN sẽ có thay đổi đáng kể một khi biết được các kĩ năng lựa chọn phương án hợp lí (điều chỉnh) khi sử dụng tài liệu HDH và đây cũng là mục tiêu, là năng lực mới cần có của giáo viên.

Phụ lục A

Tên bài	Mục tiêu	Hoạt động	Nội dung	Học liệu	Phương án (Điều chỉnh) cho phù hợp

5. Ví dụ lựa chọn phương án hợp lí (điều chỉnh) khi sử dụng tài liệu Hướng dẫn học Tiếng Việt, lớp 2, tập 1A

Ví dụ 1. Bài 1A, trang 6, HĐ1

Dựa theo nội dung bài đọc, chọn câu trả lời bên B phù hợp với câu hỏi bên A.

A

- (1) Lúc đầu, cậu bé học hành thế nào?
- (2) Cậu bé đi chơi, thấy bà cụ đang làm gì?
- (3) Bà cụ giảng giải cho cậu bé thế nào?
- (4) Câu chuyện khuyên em điều gì?

B

- (a) Phải nhẫn nại kiên trì.
- (b) Đang mài sắt vào tảng đá.
- (c) Đọc sách thì ngáp, viết thì nguệch ngoạc.
- (d) Ai kiên trì, mài sắt sẽ thành kim, chăm học sẽ thành tài.

– Căn cứ câu lệnh này, HS sẽ bắt đầu thao tác nhìn từ câu trả lời (a) bên B sau đó đối chiếu theo câu hỏi bên A để chọn, kết quả HS sẽ rất khó xác định câu hỏi ở bên A cho phù hợp. Đối với những HS hạn chế đọc hiểu tiếng Việt sẽ khó hoàn thành mục tiêu này.

Để theo đúng quy trình các bước của HĐ này, GV có thể điều chỉnh lại câu lệnh như sau: Đọc câu hỏi ở bên A và chọn câu trả lời ở bên B cho phù hợp.

Tên bài	Mục tiêu	Hoạt động	Nội dung	Học liệu	Phương án (Điều chỉnh) cho phù hợp
Bài 1A, trang 6	Đọc và hiểu nội dung truyện	HĐ 1	Dựa theo nội dung bài đọc, chọn câu trả lời bên B phù hợp với câu hỏi bên A		Đọc câu hỏi ở bên A và chọn câu trả lời ở bên B cho phù hợp.

Ví dụ 2. Bài 1A, trang 7, HĐ 4.

Viết các từ ngữ sau vào ô trống thích hợp (trong vở) bút, đọc, ngoan ngoãn, cặp sách, hát, vở, viết, bản, vẽ, mực, chăm chỉ, múa, dịu hiền, tinh nghịch, hỏi, thông minh (làm cá nhân)

Từ chỉ đồ dùng học tập	Từ chỉ hoạt động của học sinh	Từ chỉ tính nết của học sinh
bút,...	đọc,...	ngoan ngoãn,...

Với hoạt động này, yêu cầu HS làm vào vở sẽ rất mất thời gian (HS kẻ ô, viết vào vở rất chậm, đây lại mới tuần đầu tiên).

Để phù hợp với HS thì GV có thể điều chỉnh như sau: Cho HS làm vào phiếu học tập (nếu phiếu học tập ít thì 2 em làm 1 phiếu) hoặc làm theo bảng nhóm.

Tên bài	Mục tiêu	Hoạt động	Nội dung	Học liệu	Phương án (Điều chỉnh) cho phù hợp
Bài 1A, trang 7	HS hiểu thế nào là từ?	HĐ 4	Viết các từ ngữ sau vào ô trống thích hợp (trong vở) : bút, đọc, ngoan ngoãn, cặp sách, hát, vở, viết, bản, vẽ, mực, chăm chỉ, múa, dịu hiền, tinh nghịch, hỏi, thông minh (làm cá nhân)	Ghi vào vở	Cho HS làm vào phiếu học tập (nếu phiếu học tập ít thì 2 em làm 1 phiếu) hoặc làm theo bảng nhóm. Điều chỉnh làm vào phiếu hoặc bảng nhóm.

Ví dụ 3. Bài 2A, trang 16, HĐ1.

Cùng chơi trò chơi: *Thưởng cho ai?*

Cả nhóm cùng suy nghĩ đưa ra một tình huống trong lớp học cần được giải quyết. Có thể xem các tình huống sau rồi chọn một tình huống:

- + Một bạn gái đang bê một chồng sách vở nặng vào lớp.
- + Một mẫu giấy vụn ở ngay cửa lớp.
- Nhóm trưởng cử 2 bạn làm một việc để giải quyết tình huống nhóm đã chọn.
- Cả nhóm bàn xem việc làm của bạn nào đáng được khen và thưởng.

Câu lệnh quá dài, mục tiêu của HĐ này là HS biết xử lí tình huống (chọn một trong 2 tình huống) phù hợp với hành vi. HS khó hiểu nội dung và các bước thực hiện.

GV có thể điều chỉnh như sau: **HS sắm vai: nhóm trưởng cử 2 bạn giải quyết một trong hai tình huống:**

+ Một bạn gái đang bê một chồng sách vở nặng vào lớp.

+ Một mẫu giấy vụn ở ngay cửa lớp.

Cả nhóm bàn xem việc làm của bạn nào đáng được khen và thưởng?

Tên bài	Mục tiêu	Hoạt động	Nội dung	Học liệu	Phương án (Điều chỉnh) cho phù hợp
Bài 2A, trang 16	Khi nào thì được thưởng?	HĐ 1	Cùng chơi trò chơi: <i>Thưởng cho ai?</i>		HS sắm vai: nhóm trưởng cử 2 bạn giải quyết một trong hai tình huống:

Ví dụ 4. Một số HĐ thiếu logo. HS khó thực hiện.

GV có thể bổ sung logo để HS tự học:

– Bài 1C, trang 14, sau HĐ4.a (nghe thầy cô kể chuyện), có thể bổ sung logo nhóm để thảo luận câu chuyện.

– Bài 3C, trang 40, HĐ3, bổ sung logo cá nhân. HĐ4 bổ sung logo nhóm.

– Bài 4A, trang 45, HĐ3, bổ sung logo HĐ theo cặp, HĐ 4, bổ sung logo nhóm.

Tên bài	Mục tiêu	Hoạt động	Nội dung	Học liệu	Phương án (Điều chỉnh) cho phù hợp
Bài 1C, trang 14		HĐ4.b	<i>Thảo luận nhóm (thiếu Logo)</i>		Bổ sung Logo HĐ nhóm
Bài 3C, trang 40		HĐ3	<i>Đọc từ và lời giải nghĩa</i>		Bổ sung logo theo cặp.
		HĐ4	<i>Đọc từ ngữ khó</i>		Bổ sung logo nhóm.
Bài 4A, trang 45		HĐ3	<i>Chọn lời giải nghĩa...</i>		Bổ sung logo theo cặp.
		HĐ4	<i>Đọc từ ngữ</i>		Bổ sung logo nhóm.

Ví dụ 5. Bài 10B tài liệu tập huấn lớp 2/tập 2, trang 30.

HĐ1. Trò chơi tiếp sức giải câu đố.

Chia lớp thành 2 nhóm. Mỗi nhóm cử 1 bạn làm trọng tài.

Một nhóm đọc câu đố, nhóm kia tìm từ ngữ giải câu đố rồi đọc to từ ngữ tìm được lên.

Trọng tài công nhận từ ngữ giải câu đố rồi đọc to từ ngữ tìm được lên.

Trọng tài công nhận từ ngữ giải câu đố là đúng thì nhóm vừa giải câu đố đọc câu đố tiếp theo.

Nếu nhóm giải câu đố giải sai thì mất lượt đọc nhưng vẫn phải tiếp tục giải câu đố của nhóm kia.

Câu đố 1; Anh trai của bố gọi là gì?

Câu đố 2: Em trai của bố gọi là gì?

Câu đố 3: Em trai của mẹ gọi là gì?

Câu đố 4: Em gái của mẹ gọi là gì?

Câu đố 5: Em gái của bố gọi là gì?

Câu đố 6 : Con gái của bác gọi là gì ?

Câu đố 7: Những người họ hàng phía bên mẹ là gì?

Câu đố 8: Những người họ hàng phía bên bố là gì?

Đáp án:

chú	cô
dì	bác
họ nội	họ ngoại
chị họ	cậu

GV có thể điều chỉnh (tính vùng miền) đáp án của câu đố 5: Em gái của bố có thể gọi là cô hoặc o. Ví dụ 6: Bài 4C, trang 54, HĐ1: Phân biệt các chữ in đậm trong mỗi câu sau:

chú	cô hoặc o
dì	bác
họ nội	họ ngoại
chị họ	cậu

Tên bài	Mục tiêu	Hoạt động	Nội dung	Học liệu	Phương án (Điều chỉnh) cho phù hợp
Bài 10B tài liệu tập huấn lớp 2/2, trang 16	Mở rộng vốn từ về họ hàng	HĐ1	Trò chơi tiếp sức giải câu đố		Điều chỉnh đáp án (cô hoặc o)

Ví dụ 6. Bài 4C, trang 54, HĐ1 : Phân biệt các chữ in đậm trong mỗi câu sau :

Hòa **đỗ** em đội mũ để đi ăn **giỗ** ông ngoại...

Tôi viết về những **vàn** thơ **vàng** trắng quê hương...

Câu lệnh khó hiểu và HS không biết phải phân biệt như thế nào?

GV cần điều chỉnh như sau: Đọc để phân biệt cách viết các chữ in đậm trong mỗi câu sau:

Hòa **đỗ** em đội mũ để đi ăn **giỗ** ông ngoại...

Tôi viết về những **vàn** thơ **vàng** trắng quê hương...

Tên bài	Mục tiêu	Hoạt động	Nội dung	Học liệu	Phương án (Điều chỉnh) cho phù hợp
Bài 4C, trang 54	Mở rộng vốn từ về họ hàng	HĐ1	phân biệt cách viết các chữ in đậm trong mỗi câu sau:		Đọc để phân biệt cách viết các chữ in đậm trong mỗi câu sau:

Phụ lục B

Trên cơ sở những tiêu chí cho việc lựa chọn phương án hợp lí (điều chỉnh tài liệu) khi sử dụng Hướng dẫn học các môn học, yêu cầu đổi mới hoạt động học tập của HS, hoạt động dạy học của GV, cần xây dựng một số nội dung, câu hỏi đặt ra khi quan sát, dự giờ (tiết, bài dạy) :

HS có được tự chủ trong các hoạt động giáo dục không?

HS có thực sự tự học không?

Các nhóm học tập có tích cực hoạt động không?

Vai trò của nhóm trưởng trong hoạt động học tập, giáo dục?

Cách bố trí, tổ chức lớp học (theo mô hình VNEN, phù hợp với điều kiện của nhà trường)?

Quan sát của giáo viên (bao quát chung, quan tâm tới nhóm, cá nhân HS có vấn đề)?

Sự giúp đỡ của nhóm, của GV đối với HS yếu?

Việc sử dụng đồ dùng dạy học và ĐDDH tự làm của GV và HS?

Câu lệnh cùng những ngữ liệu đã rõ ràng và dễ hiểu đối với HS?

Học sinh nắm được và hiểu bài?

Thời lượng dành cho mỗi hoạt động của bài học đã hợp lí chưa? Nếu chưa hợp lí thì điều chỉnh thế nào?

Các hoạt động có phù hợp với bối cảnh địa phương không? Điều chỉnh các hoạt động thế nào nếu chưa hợp lí ?

Nội dung của bài với lượng thời gian (số tiết) dành cho bài đã hợp lí chưa? Nếu chưa hợp lí thì điều chỉnh thế nào?

Nội dung và cách trình bày bài đã hợp lí chưa? Nếu chưa hợp lí thì điều chỉnh thế nào?

Mong muốn và vai trò của phụ huynh HS tham gia vào các hoạt động ?

Nhu cầu và vai trò của cộng đồng?

Bạn có câu hỏi nào cho người dạy?

Bạn có câu hỏi nào cho người viết sách?

Bạn nghĩ gì về mô hình trường học mới-VNEN?

Theo bạn thì Bộ, Sở, Phòng GDĐT cần hỗ trợ gì để triển khai tốt mô hình trường học mới - VNEN?

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG	2
I – Mục tiêu	2
II – Nội dung chính sinh hoạt chuyên môn định kì của các trường (cụm trường)	2
III – Tổ chức và cách thức tiến hành sinh hoạt chuyên môn định kì của các trường (cụm trường)	3
PHẦN II. MỘT SỐ MÔ ĐUN CỤ THỂ	5
Mô Đun 1. Đặc điểm mô hình VNEN	5
I – Hoạt động giáo dục	5
II – Hoạt động dạy học	9
III – Tổ chức thực hiện	11
Mô Đun 2. Cấu trúc bài học mô hình VNEN	12
I – Cấu trúc bài học mô hình VNEN	12
II – Tổ chức thực hiện	17
Mô Đun 3. Lựa chọn phương án hợp lí khi sử dụng tài liệu hướng dẫn học ở mô hình VNEN	18
I – Đặc điểm tài liệu Hướng dẫn học	18
II – Vấn đề lựa chọn phương án hợp lí khi sử dụng tài liệu Hướng dẫn học ở mô hình VNEN	19
Phụ lục A	25
Phụ lục B	29

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Tổng biên tập kiêm Phó Tổng Giám đốc NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học PHẠM NGỌC ĐỊNH
Phó Tổng biên tập NGÔ ÁNH TUYẾT
Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập nội dung :

NGUYỄN NGỌC BẢO - ĐỖ VIỆT CƯỜNG

Trình bày bìa :

ĐINH MINH PHƯƠNG

Sửa bản in :

ĐỖ VIỆT CƯỜNG

Chế bản :

NGUYỄN HOÀNG

**HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN
TẠI CÁC TRƯỜNG THỰC HIỆN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TẠI VIỆT NAM**

Mã số: 8G916A3 - ĐTH

Số ĐK KHXB: 821-2013/CXB/7-973/GD

In cuốn khổ tại
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2013